TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/DS-ST
Ngày: 19/7/2019
V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:1. Ông Mai Nhật Đậu

2. Bà Ma Thị Ngọc Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Xuân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng H Việt Nam.

Địa chỉ: Tòa nhà 15T, đường Nguyễn Thị D, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang K – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bình N - Chức vụ: Phó phòng giao dịch số 2 - Ngân hàng H chi nhánh P *(theo QĐ ủy quyền số 164/2013/QĐ-NHHT ngày 01/7/2013). Có mặt.*

Bị đơn: Ông Phan Quý N - sinh năm 1964**.** Nơi ĐKNKTT: Khu 5, phường T, thị xã Phú T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi công tác: Trường THCS T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. *Vắng mặt, có đơn đề*

nghị xét xử vắng mặt.

Bà Tống Thị P - sinh năm 1965.

Nơi ĐKNKTT: Khu 5, phường T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, những lời trình bày tiếp theo tại tòa án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Bình N đại diện cho Nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/5/2016 Phòng giao dịch số 2 - Chi nhánh P - Ngân hàng H Việt Nam ký hợp đồng tín dụng số TDTV200001 với ông Phan Quý N và bà Tống Thị P để cho ông N và bà P vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc, lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả nợ 60 tháng, mục đích vay để sửa chữa, nâng cấp nhà ở. Hình thức bảo đảm tiền vay là: Bằng thu nhập từ tiền lương, trợ cấp của ông Phan Quý N tại Trường THCS T, thị xã P. Hàng tháng ông N, bà P phải trả 3.300.000đồng tiền gốc và tiền lãi được trả cùng gốc, được tính trên số dư thực tế vào ngày 20 hàng tháng. Lãi suất áp dụng cho vay có điều chỉnh.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông N và bà P không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 19/7/2019 ông N và bà P còn nợ của ngân hàng 163.365.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền gốc và 34.570.173 (Ba mươi tư triệu năm trăm bẩy mươi nghìn một trăm bẩy mươi ba đồng) tiền lãi. Tổng cộng là 197.935.173đ (Một trăm chín mươi bẩy triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn một trăm bẩy mươi ba đồng).

Mặc dù, trong hồ sơ vay vốn với Ngân hàng đều do ông N và bà P đứng ra ký kết. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ông N tự nguyện đứng ra chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng, không yêu cầu phía bà P phải có trách nhiệm. Do hiện nay bà P không có nguồn thu nhập để trả nợ nên Ngân hàng đồng ý để ông Phan Quý N có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ đối với Ngân hàng. Ngân hàng xin rút phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Tống Thị P.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Phan Quý N phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng tổng số tiền là 197.935.173đ (Một trăm chín mươi bẩy triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn một trăm bẩy mươi ba đồng), trong đó 163.365.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền gốc và 34.570.173 (Ba mươi tư triệu năm trăm bẩy mươi nghìn một trăm bẩy mươi ba đồng) tiền lãi tính đến ngày 19/7/2019 và tiền lãi cho đến khi ông N trả nợ xong cho ngân hàng.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn ông Phan Quý N trình bày: Việc ký kết hợp đồng tín dụng và đảm bảo bằng tiền lương của ông để vay số tiền 200.000.000 đồng của Ngân hàng H như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Nhưng khoản vay này là do ông đứng ra vay một mình, không liên quan gì đến vợ ông là bà Tống Thị P. Quá trình vay, bà Tống Thị P không biết, cũng không ký vào hợp đồng tín dụng. Chữ ký trong hợp đồng tín dụng cũng không phải của bà Tống

Thị P. Sau khi vay ông đã trả gốc và lãi cho ngân hàng đầy đủ theo định kỳ. Tuy nhiên, kể từ khi con trai ông phải đi bệnh viện mổ, vợ ông bị bệnh phải điều trị nên gia đình gặp khó khăn về kinh tế. Do vậy ông không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng được. Ông thừa nhận hiện nay còn nợ của ngân hàng 163.365.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền gốc và các khoản lãi phát sinh đúng như ngân hàng trình bày.

Nay ngân hàng yêu cầu ông trả nợ, ông nhất trí trả nợ. Tuy nhiên, do điều kiện khó khăn nên ông xin trả dần cho ngân hàng. Cụ thể: Ông xin trả mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi hàng tháng cho đến khi hết số nợ.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 463, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; điều 5, Khoản 1 Điều 147 và điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng hợp tác xã V đối với bà Tống Thị P.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H Việt Nam đối với ông Phan Quý N.

Buộc ông Phan Quý N phải có nghĩa vụ trả cho Phòng giao dịch số 2 chi nhánh Phú T Ngân hàng H Việt Nam tổng số tiền là 197.935.173đồng, làm tròn là 197.935.000đ (Một trăm chín mươi bẩy triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng), trong đó 163.365.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền gốc và 34.570.000 (Ba mươi tư triệu năm trăm bẩy mươi nghìn đồng) tiền lãi tính đến ngày 19/7/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, ông Phan Quý N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

- Án phí: Ông Phan Qúy N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Ngân hàng H Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông Phan Quý N, bà Tống Thị P trả nợ số tiền gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng số TDTV200001, đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Bị đơn đều có địa chỉ tại phường T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 3 điều 26, khianr 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án hòa giải các bên không thỏa thuận được với nhau. Nguyên đơn đã rút 1 phần yêu cầu khởi kiện đối với bà P nên yêu cầu này phải được đình chỉ theo quy định tại điều 5 và điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Phan Quý N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. *Về nội dung*:

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Tống Thị P và bị đơn ông Phan Quý Ngà cũng khẳng định việc vay nợ không liên quan đến bà Tống Thị P và ông sẽ có nghĩa vụ trả toàn bộ tiền gốc và tiền lãi cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện nên cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đối với bà Tống Thị P.

Căn cứ vào các lời trình bày của các đương sự có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay có đủ căn cứ xác nhận ngày 17/5/2016 Phòng giao dịch số 2 - Chi nhánh P - Ngân hàng H Việt Nam ký hợp đồng tín dụng số TDTV200001 với ông Phan Quý N để cho ông N vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc, lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả nợ 60 tháng, mục đích vay để sửa chữa, nâng cấp nhà ở. Đây là hợp đồng vay tài sản phục vụ mục đích tiêu dùng cá nhân, nội dung phù hợp với quy định của phát luật, không trái đạo đức xã hội nên được thừa nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N đã trả được 36.635.000đồng tiền gốc và 31.259.800đồng tiền lãi. Từ tháng 11/2017 đến nay ông N không trả dược khoản tiền gốc và tiền lãi nào. Tính đến ngày 19/7/2019 ông N còn nợ của ngân hàng 163.365.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền gốc và 34.570.173 (Ba mươi tư triệu năm trăm bẩy mươi nghìn một trăm bẩy mươi ba đồng) tiền lãi. Tổng cộng là 197.935.173đ (Một trăm chín mươi bẩy triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn một trăm bẩy mươi ba đồng). Như vậy, mặc dù hợp đồng tín dụng vay vốn giữa ngân hàng H Việt Nam và ông Phan Quý N chưa hết thời hạn hợp đồng nhưng ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm các cam kết trong hợp đồng tín dụng, là người có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng và ngân hàng đã thông báo trả nợ nhiều lần nhưng ông N không trả được nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N cũng đã thừa nhận hiện nay còn nợ của ngân hàng 163.365.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền gốc và các khoản lãi phát sinh đúng như ngân hàng trình bày. Nay ngân hàng yêu cầu ông trả nợ, ông nhất trí trả nợ. Tuy nhiên, do điều kiện khó khăn nên ông xin trả dần cho ngân hàng. Cụ thể: Ông xin trả mỗi tháng

1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi hàng tháng cho đến khi hết số nhưng đại diện của nguyên đơn không đồng ý. Như vậy mặc dù đã thống nhất được số tiền ông N phải có nghĩa vụ trả nợ nhưng nguyên đơn và bị đơn không thống nhất thời gian và phương thức trả nợ.

Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đối với ông Phan Quý N, buộc bị đơn ông Phan Quý N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng hợp tác xã V chi nhánh Phú T phòng giao dịch số 2 với tổng số tiền là 197.935.173đ (Một trăm chín mươi bẩy triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn một trăm bẩy mươi ba đồng), trong đó 163.365.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền gốc và 34.570.173 (Ba mươi tư triệu năm trăm bẩy mươi nghìn một trăm bẩy mươi ba đồng) tiền lãi tính đến ngày 19/7/2019 và tiền lãi theo hợp đồng thỏa thuận cho đến khi ông N trả nợ xong.

[3].*Về án phí*:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn, ông Phan Quý N phải chịu 197.935.173đồng x 5% = 9.896.758đồng, làm tròn 9.897.000đồng án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; điều 5, Khoản 1 Điều 147 và điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng hợp tác xã V đối với bà Tống Thị P.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng hợp tác xã V đối với ông Phan Quý N.

Buộc ông Phan Quý N phải có nghĩa vụ trả cho Phòng giao dịch số 2 chi nhánh P Ngân hàng hợp tác xã V tổng số tiền là 197.935.173đồng, làm tròn là 197.935.000đ (Một trăm chín mươi bẩy triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng), trong đó 163.365.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền gốc và 34.570.000 (Ba mươi tư triệu năm trăm bẩy mươi nghìn đồng) tiền lãi tính đến ngày 19/7/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, ông Phan Quý N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

3. Về án phí dân sự:

Buộc ông Phan Quý N phải chịu 9.896.758đồng, làm tròn 9.897.000đ (Chín triệu tám trăm chín mươi bẩy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng hợp tác xã V số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 4.718.000đ (Bốn triệu bẩy trăm mười tám nghìn đồng) theo biên lai số 0002261 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã, tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã;
- Lưu hồ sơ;
-Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thu Hiền

Các thành viên của Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **Trần Hưng Thủy**